

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo của Hội đồng quản trị và
Và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ Rịa

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 – 6
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
• Bảng cân đối kế toán	7 – 10
• Kết quả hoạt động kinh doanh	11
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 – 13
• Thuyết minh các báo cáo tài chính	14 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình bày bản báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hữu Hạnh	Chủ tịch
Ông Huỳnh Lin	Thành viên
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Lê Thế Sơn	Thành viên
Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên

Thành viên Ban điều hành cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm

Ông Huỳnh Lin	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/11/2007
Ông Phan Văn Dũng	Phó giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/12/2007
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/02/2008

2. Hoạt động kinh doanh chính

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa là Công ty cổ phần nhà nước được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước- Công ty Nhiệt điện Bà Rịa theo quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Bộ Công Nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000451 do Sở kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 12 tháng 5 năm 2008.

Trụ sở của Công ty đặt tại phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Theo quyết định thành lập và quyết định bổ sung ngành nghề kinh doanh, Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán vật tư thiết bị;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp;
- Sản xuất nước cất, nước uống đóng chai;
- Sản xuất các sản phẩm bằng kim loại và dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại;
- Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Cho thuê thiết bị, tài sản cố định, cầu cảng, văn phòng;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Chế biến và kinh doanh hải sản (địa điểm chế biến phải phù hợp với quy hoạch của ngành và từng địa phương. Không được chế biến từ phường 1 đến phường 12 thuộc TP Vũng Tàu);
- Cho thuê phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Vận tải, bốc dỡ hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán PKF Việt Nam.

Trong suốt thời kỳ kế toán này không có khoản mục hay sự kiện nào quan trọng có bản chất bất thường làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Vốn góp

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000451 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 1, ngày 12 tháng 5 năm 2008, vốn điều lệ 604.856.000.000 đồng, thành viên sáng lập như sau:

	Cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	VNĐ
I	Cổ đông sáng lập – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)			
	Với các đại diện			
1.	Ông Phạm Hữu Hạnh	23.921.557	39,50 %	239.215.570.000
2.	Ông Huỳnh Linh	12.100.000	20,00 %	121.000.000.000
3.	Ông Vũ Mạnh Hùng	12.100.000	20,00 %	121.000.000.000
II	Cổ đông khác			
	1.032 cổ đông	12.364.043	20,50 %	123.640.430.000
		60.485.600	100,00 %	604.856.000.000

Mệnh giá 1 cổ phiếu: 10.000 VNĐ

Vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.

	31/12/2009
Vốn nhà nước – Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	492.182.544.548
Vốn đối tượng khác	123.640.430.000
	615.822.974.548

Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa hoàn tất việc quyết toán lần 2 phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần.

5. Cổ tức

Không có cổ tức nào được công bố hoặc chi trả trong năm và vào ngày lập báo cáo này.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

6. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng và sự khác biệt trọng yếu nếu có được công bố giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

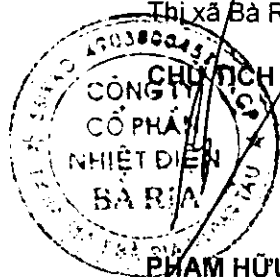
7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc khẳng định rằng, sự kiện trên cũng như không có sự kiện quan trọng nào khác, xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2009) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán

Công ty TNHH kiểm toán PKF Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho Công ty.

Thị xã Bà Rịa, ngày 15 tháng 3 năm 2010



PHẠM HỮU HẠNH

Số:063/2009/HĐKT-PKF

TP. HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009.*

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RIJA**

Công ty trách nhiệm hữu hạn kiểm toán PKF Việt Nam (PKF) đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 từ trang 7 đến trang 31 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (dưới đây gọi tắt là Công ty).

Các bản Báo cáo tài chính đính kèm theo bản báo cáo này do Ban Tổng giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm và lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành. Ngoài ra, Ban giám đốc còn có trách nhiệm thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ quan hệ đến việc lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước lượng kế toán hợp lý với từng trường hợp.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở đưa ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán căn cứ vào chế độ kế toán mà Công ty áp dụng và căn cứ vào các quy định về tài chính kế toán của Nhà nước Việt Nam áp dụng cho các đơn vị hoạt động theo Luật Doanh nghiệp tại Việt Nam.

Ngoại trừ những vấn đề nêu đoạn dưới đây, chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực kiểm toán quốc tế được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các Báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã xem xét một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong bản Báo cáo tài chính riêng. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, kể cả đánh giá rủi ro các báo cáo tài chính bị sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót. Trong việc đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ quan hệ với việc Công ty soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán đã được sử dụng, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện; cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN PKF VIỆT NAM

208 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (08) 5 449 1477; 5 449 1678

Fax: (08) 5 449 1475

Email: hcm@pkf.com.vn

Website: www.pkf.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi vấn đề sau:

- Trong năm 2009, Công ty có điều chỉnh một số nghiệp vụ liên quan đến việc quyết toán lần 2 phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần, cụ thể như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<i>Quỹ KT, PL không lấy từ vốn Nhà nước</i>	1.409.648.485						1.409.648.485
<i>Tăng chi phí trích trước do TS chuyển thành CCDC</i>	(79.024.804)						(79.024.804)
<i>Chi phí trả trước cho người bán</i>	1.287.934						1.287.934
<i>Bù đắp TSCĐ loại ra khỏi GTDN</i>	3.448.627.071						3.448.627.071
<i>CLTG vốn vay</i>	(26.488.451.369)						(26.488.451.369)
<i>Chuyển vốn</i>	6.151.242.511	(6.151.242.511)					-
<i>Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển</i>	4.031.317.855		(4.031.317.855)				-
<i>Giảm vốn</i>	(482.784.345)			482.784.345			-
<i>Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối</i>	4.757.925.604					(4.757.925.604)	-
<i>Tăng vốn</i>	393.811				(393.811)		-
<i>Điều chỉnh PPLN 10 tháng đầu năm 2007</i>			(3.222.742.015)	(482.784.345)		3.705.526.360	-
<i>Trả EVN</i>			(25.164.465.294)				(25.164.465.294)
Cộng	(7.249.817.247)	(6.151,242.511)	(32.418.525.164)	-	(393.811)	(1.052.399.244)	(46.872.377.977)

Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được Biên bản Quyết toán chính thức do Tổng Công ty điện lực Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương phê duyệt.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

- Trong năm 2009, Công ty đã điều chỉnh tăng doanh thu do quyết toán tiền điện và điều chỉnh theo công văn số 5453/EVN-TTĐ-TCK về việc điều chỉnh giá bán điện cố định và suất tiêu hao khí của Công ty cổ phần nhiệt điện Bà Rịa ngày 29 tháng 12 năm 2009, với tổng trị giá là 52.734.398.118 VNĐ. Khoản doanh thu này đã được Công ty xuất hóa đơn trong tháng 3 năm 2010.
- Khoản phải thu khác từ Công ty tài chính cổ phần điện lực (EVNFC) liên quan đến việc trích trước lãi dự thu của Hợp đồng ủy thác quản lý vốn, không thể gửi thư xác nhận được với giá trị là 1.288.888.889 VNĐ.

Ý kiến của kiểm toán viên

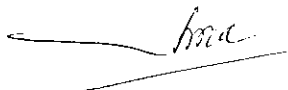
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngoài ra, chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc vấn đề sau:

Như đã trình bày tại mục IV.2 Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm 2009, Công ty đã áp dụng theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 về việc Hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Việc áp dụng thông tư này làm thay đổi chính sách kế toán của Công ty so với năm trước. Nếu Công ty áp dụng hồi tố thì khoản lãi năm 2008 sẽ giảm đi và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 sẽ tăng lên một giá trị tương ứng là 185.854.606.379 VNĐ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN PKF VIỆT NAM

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Thúy Nga
Chứng chỉ KTV số 0850/KTV

GIÁM ĐỐC
Chi nhánh Hồ Chí Minh



Trương Hoàng Hùng
Chứng chỉ KTV số Đ.0072/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số: B01-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.057.263.116.031	1.086.588.104.710
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	<i>IV.1, V-1</i>	58.548.616.505	48.954.875.646
1. Tiền	111		8.548.616.505	48.954.875.646
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	<i>V-2</i>	871.356.763.478	897.813.641.447
1. Phải thu của khách hàng	131		336.848.187.142	260.119.926.001
2. Trả trước cho người bán	132		3.123.311	4.597.398
3. Phải thu nội bộ	133		531.864.956.944	636.942.471.894
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		3.019.187.582	1.125.337.655
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(378.691.501)	(378.691.501)
IV. Hàng tồn kho	140	<i>IV.2, V-3</i>	118.438.020.442	139.305.622.209
1. Hàng tồn kho	141		118.438.020.442	145.173.653.277
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(5.868.031.068)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	<i>V-4</i>	8.919.715.606	513.965.408
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		256.844.551	230.708.616
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		8.483.088.249	138.188.469
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		179.782.806	145.068.323

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số: B01-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2009	31/12/2008
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		1.017.355.116.795	1.007.025.605.928
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220	<i>IV.3, V-5</i>	832.014.168.687	998.479.356.721
1. Tài sản cố định hữu hình	221		831.013.744.715	997.178.805.561
- Nguyên giá	222		2.316.709.694.573	2.314.883.298.491
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.485.695.949.858)	(1.317.704.492.930)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		1.000.423.972	1.300.551.160
- Nguyên giá	228		3.011.117.583	3.011.117.583
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.010.693.611)	(1.710.566.423)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		184.530.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	<i>V-6</i>	184.530.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	<i>V-7</i>	810.948.108	8.546.249.207
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		810.948.108	8.546.249.207
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100 + 200)	270		2.074.618.232.826	2.093.613.710.638

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số: B01-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.264.814.814.303	1.223.185.608.837
I. Nợ ngắn hạn	310	V-8	375.231.864.143	295.207.319.275
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		96.908.909.296	92.795.126.812
2. Phải trả người bán	312		235.026.453.917	142.949.844.374
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		3.190.862.111	34.985.480.990
5. Phải trả người lao động	315		6.430.773.432	8.284.585.059
6. Chi phí phải trả	316		5.816.102.140	10.272.798.181
7. Phải trả nội bộ	317		26.543.916.122	4.828.077.899
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		1.314.847.125	1.091.405.960
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		889.582.950.160	927.978.289.562
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V-9	889.429.313.448	875.836.126.645
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	52.039.289.786
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		153.636.712	102.873.131
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	IV.4, VI-10	809.803.418.523	870.428.101.801
I. Vốn chủ sở hữu	410		809.701.029.547	866.495.071.610
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		615.822.974.548	623.072.791.795
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	6.151.242.511
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(27.247.139.906)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.142.254.271	34.987.230.036
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.679.849.682	513.740.974
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		761.863.630	257.264.298
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		211.541.227.322	201.512.801.996
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		102.388.976	3.933.030.191
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		102.388.976	3.933.030.191
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.074.618.232.826	2.093.613.710.638

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: B01-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	31/12/2009	31/12/2008
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			13,246,293,155	11,234,979,215
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại				
USD			416,37	422,89
EUR			-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

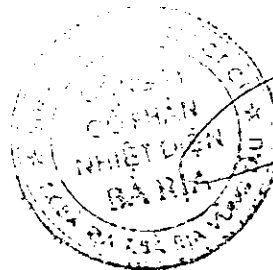
Kế toán trưởng



PHẠM QUỐC THÁI

Bà Rịa, ngày 31 tháng 12 năm 2009

GIÁM ĐỐC



HUỲNH LIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: B02 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

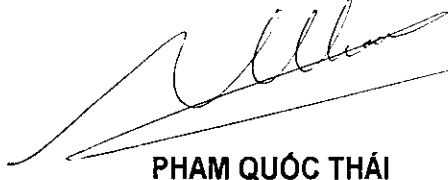
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

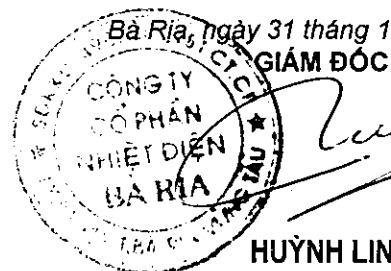
ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV-6, VI-1	1.472.397.817.148	1.288.172.222.470
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.472.397.817.148	1.288.172.222.470
4. Giá vốn hàng bán	11	VI-2	1.276.133.901.781	1.156.151.411.633
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		196.263.915.367	132.020.810.837
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI-3	4.389.081.705	215.179.483.489
7. Chi phí tài chính	22	VI-4	185.013.640.210	72.442.048.730
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		39.385.813.985	43.530.028.821
8. Chi phí bán hàng	24		76.888.698	8.624.915
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI-5	22.009.998.506	29.647.874.820
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		(6.447.530.342)	245.101.745.861
11. Thu nhập khác	31	VI-6	6.656.454.523	146.281.929
12. Chi phí khác	32	VI-7	208.924.181	706.697.997
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		6.447.530.342	(560.416.068)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		-	244.541.329.793
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	IV.7, VI-8	-	16.640.327.798
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		(52.039.289.786)	48.242.788.692
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		52.039.289.786	179.658.213.303

Kế toán trưởng


PHẠM QUỐC THÁI



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số: B03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm nay	Năm trước
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		-	244.541.329.793
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		168.444.132.485	168.518.094.864
- Các khoản dự phòng	03		-	5.868.031.068
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			(185.854.606.379)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.598.517.118	(1.808.133.452)
- Chi phí lãi vay	06		39.385.813.985	43.530.028.821
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		209.428.463.588	274.794.744.715
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.069.089.762	(63.502.383.334)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		20.867.601.767	(23.408.941.494)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể các khoản lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		60.089.664.090	(65.505.860.235)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7.709.165.164	(7.377.093.062)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(39.385.813.985)	(45.810.469.152)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(36.182.817.911)	(9.059.758.147)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		53.047.360.318	75.743.461.885
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(56.158.539.746)	(977.402.689)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		237.484.173.047	134.896.298.487
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(6.861.267.961)	(12.906.652.694)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		243.393.376	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(184.530.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.040.413.016	1.808.133.452
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(188.107.461.569)	(11.088.519.242)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số: B03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

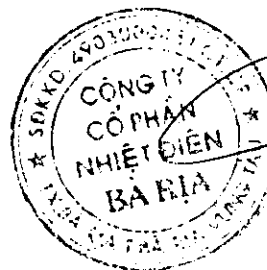
Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm nay	Năm trước
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		191.641.464.588	3.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(173.934.495.301)	(112.491.459.924)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.242.800.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.535.830.713)	(109.491.459.924)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		36.840.880.765	14.316.319.321
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		48.954.875.646	34.638.556.325
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(27.247.139.906)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		58.548.616.505	48.954.875.646

Bà Rịa, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán trưởng

GIÁM ĐỐC


PHẠM QUỐC THÁI



HUYỀN LIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa là Công ty cổ phần nhà nước được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước- Công ty Nhiệt điện Bà Rịa theo quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Bộ Công nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000451 do Sở kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 12 tháng 5 năm 2008.

Trụ sở của Công ty đặt tại phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Theo quyết định thành lập và quyết định bổ sung ngành nghề kinh doanh, Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán vật tư thiết bị;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp;
- Sản xuất nước cất, nước uống đóng chai;
- Sản xuất các sản phẩm bằng kim loại và dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại;
- Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Cho thuê thiết bị, tài sản cố định, cầu cảng, văn phòng;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Chế biến và kinh doanh hải sản (địa điểm chế biến phải phù hợp với quy hoạch của ngành và từng địa phương. Không được chế biến từ phường 1 đến phường 12 thuộc TP Vũng Tàu);
- Cho thuê phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Vận tải, bốc dỡ hàng hóa.

II. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 kết thúc vào ngày 31 tháng 12

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng: chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/206/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm*

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

Các nghiệp vụ phát sinh không phải bằng đồng Việt Nam được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm*

Trong năm 2009, Công ty đã áp dụng theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 về việc Hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, do đó Số dư cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính và khoản chênh lệch được ghi nhận vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Công ty chỉ kết chuyển khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ vào chi phí tài chính trong năm mà không làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi trên tài khoản 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái và sẽ được tiếp tục phân bổ vào chi phí của các năm sau (nhưng tối đa không quá 5 năm).

Do áp dụng theo Thông tư nêu trên, chính sách kế toán của Công ty thay đổi. Nếu Công ty áp dụng hồi tố thì khoản lãi năm 2008 sẽ giảm đi một giá trị là 185.854.606.379 VNĐ.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ (-) các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

Phương pháp xác định giá xuất của hàng tồn kho: bình quân gia quyền mỗi lần nhập

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

5. Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm*

Tài sản vô hình của Công ty là giá trị Quyền sử dụng đất của 17.795 m² thuộc lô đất số 263, quốc lộ 51, phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu theo Quyết định số 981/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc giá đất để xây dựng các trụ điện xuất tuyến đường dây 100KV Bà Rịa- Phú Mỹ- Long Bình tại phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Quyết định số 1206/QĐ-EVN-TCKT ngày 15 tháng 05 năm 2003 của Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam (EVN) về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình đường dây 100KV Bà Rịa- Phú Mỹ- Long Bình và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T06564 ngày 11 tháng 09 năm 2007 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu về lô đất 263 có diện tích sử dụng 115.646,6 m² với thời hạn sử dụng là 50 năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao của tài sản cố định căn cứ theo hướng dẫn của Công văn số 3131/CV-EVN-TCKT ngày 30 tháng 06 năm 2004 của Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
Máy móc thiết bị	5 - 14 năm
Phương tiện vận tải	10 - 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định vô hình	10 năm

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phát sinh.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn phân bổ trong 24 tháng.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm*

9. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập vào cuối năm tài chính theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003. Mức trích lập quỹ là 1% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

10. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Là khoản tiền hoặc tài sản do các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành.
- Thặng dư vốn cổ phần: Là phần chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu.
- Vốn khác của chủ sở hữu: Là vốn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế hoặc được tặng, biếu, viện trợ, nhưng chưa tính cho từng cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính của hoạt động đầu tư XDCB trong giai đoạn trước hoạt động của doanh nghiệp mới thành lập (khi chưa hoàn thành quá trình đầu tư).
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính của hoạt động kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư XDCB (doanh nghiệp SXKD có cả hoạt động đầu tư XDCB).

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận chưa phân phối thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp
- Lỗ (lãi) do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm khóa sổ năm tài chính được loại trừ khi phân phối các quỹ và phân phối cổ tức.

11. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của Công ty chủ yếu là doanh thu bán điện cho Công ty mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện Lực Việt Nam.

Trong năm 2009, Công ty đã điều chỉnh doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm*

12. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (25%). Trong năm 2009, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009 theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ và Thông tư số 03/2009/TT-BTC hướng dẫn thực hiện ngày 13/01/2009.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Cơ quan thuế sẽ kiểm tra quyết toán các loại thuế áp dụng đối với Công ty. Bất kỳ các khoản khác biệt về thuế sẽ được Công ty điều chỉnh sổ kế toán một cách tương ứng.

13. Các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh.

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

(xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: B09-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	31/12/2009	31/12/2008
Tiền mặt	479.253.546	82.455.840
Tiền gửi ngân hàng	(a) 8.069.362.959	48.872.419.806
	8.548.616.505	48.954.875.646

(a) Tiền gửi ngân hàng	31/12/2009
Tiền Việt Nam	8.062.301.149
USD # 416,37	7.061.810
	8.069.362.959

2. Các khoản phải thu	31/12/2009	31/12/2008
Phải thu khách hàng	336.848.187.142	260.119.926.001
Trả trước cho người bán	3.123.311	4.597.398
Phải thu nội bộ	(a) 531.864.956.944	636.942.471.894
Các khoản phải thu khác	(b) 3.019.187.582	1.125.337.655
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(c) (378.691.501)	(378.691.501)
	871.356.763.478	897.813.641.447

(a) Đây là khoản Phải thu của Công ty mua bán điện Tập đoàn điện lực Việt Nam.

(b) Các khoản phải thu khác	31/12/2009
Công ty tài chính cổ phần điện lực (EVNFC)	1.288.888.889
Cổ phiếu cổ phần hóa công ty Nhiệt Điện Bà Rịa	409.258.071
Tạm ứng thuế GTGT Nguyễn Chí	378.691.501
Cung cấp, lắp đặt MBA 630 KVA -22	275.176.000
5% bảo hiểm tổn thất được giảm do năm 2009 không xảy ra tổn thất gì	177.781.455
Gia công máy lọc dầu	134.627.928
Lắp đặt hệ thống công tơ lọc dầu từ GT1-GT8/2008	101.095.712
Khác	253.668.026
	3.019.187.582

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: B09-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

(c) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	31/12/2009	
Nguyễn Chí	(378.691.501)	
	<u>(378.691.501)</u>	
3. Hàng tồn kho	31/12/2009	31/12/2008
Hàng mua đang đi đường	129.854.060	427.968.180
Nguyên liệu, vật liệu	118.211.118.930	144.643.289.733
Công cụ, dụng cụ	73.537.004	79.811.857
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.903.239	3.650.170
Thành phẩm	11.088.431	6.483.305
Hàng gửi đi bán	8.518.778	12.450.032
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(5.868.031.068)
	<u>118.438.020.442</u>	<u>139.305.622.209</u>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ vay: không
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không

4. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2009	31/12/2008
Chi phí trả trước ngắn hạn	(a) 256.844.551	230.708.616
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(b) 8.483.088.249	138.188.469
Tài sản ngắn hạn khác	(c) <u>179.782.806</u>	<u>145.068.323</u>
	<u>8.919.715.606</u>	<u>513.965.408</u>

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	SD 31/12/08	Phát sinh tăng	Số phân bổ	SD 31/12/09
Công cụ, dụng cụ	<u>230.708.616</u>	<u>106.597.863</u>	<u>80.461.928</u>	<u>256.844.551</u>
	<u>230.708.616</u>	<u>106.597.863</u>	<u>80.461.928</u>	<u>256.844.551</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: B09-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước **31/12/2009**

Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.399.920.538
Thuế thu nhập cá nhân	83.167.711
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-
	8.483.088.249

(c) Tài sản ngắn hạn khác **31/12/2009**

Tạm ứng	(i)	118.555.834
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(ii)	61.226.972
		179.782.806

(i) Tạm ứng **31/12/2009**

Nguyễn Ngọc Tấn	71.868.800
Trần Ngọc Văn	14.000.000
Thân Đức Vinh	10.936.034
Trần Tuyết Loan	7.000.000
Nguyễn Kim Linh	5.000.000
Lưu Văn Hồng	4.000.000
Huỳnh Thị Thái Hòa	3.000.000
Nguyễn Anh Tuấn	2.751.000
	118.555.834

(ii) Cầm cổ, ký quỹ, ký cược ngắn hạn **31/12/2009**

Công ty cổ phần nhà máy Đạm Phú Mỹ	31.100.000
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Vũng Tàu	28.626.972
Chi nhánh Công ty Môi trường Việt Hà	1.500.000
	61.226.972

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: B09-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
 Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

5. Tài sản cố định

(a) Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận	Thiết bị dụng cụ	Tài sản cố	Cộng
	kiến trúc				định khác	
			tải truyền dẫn	quản lý		
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu năm	90.460.894.613	2.170.630.318.117	28.614.614.910	24.632.753.923	544.716.928	2.314.883.298.491
Mua trong năm	-	5.462.818.968	501.883.929	157.849.455	341.063.881	6.463.616.233
Tặng khác	-	397.651.728	-	-	-	397.651.728
Giảm khác	3.861.541.357	1.173.330.522	-	-	-	5.034.871.879
Số dư cuối năm	86.599.353.256	2.175.317.458.291	29.116.498.839	24.790.603.378	885.780.809	2.316.709.694.573
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	31.949.052.498	1.247.170.625.127	17.541.931.625	20.992.698.522	50.185.158	1.317.704.492.930
Khấu hao	4.475.154.595	157.612.777.929	3.065.011.783	2.860.379.445	130.681.545	168.144.005.297
Giảm khác	100.888.454	51.659.915	-	-	-	152.548.369
Số dư cuối năm	36.323.318.639	1.404.731.743.141	20.606.943.408	23.853.077.967	180.866.703	1.485.695.949.858
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Số dư đầu năm	58.511.842.115	923.459.692.990	11.072.683.285	3.640.055.401	494.531.770	997.178.805.561
Số dư cuối năm	50.276.034.617	770.585.715.150	8.509.555.431	937.525.411	704.914.106	831.013.744.715

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không
 Nguyên giá của những tài sản cố định cuối năm đơn vị đã trích khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không
 Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 155.775.072
 Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không
 Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không

(b) Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối kỳ
Quyền sử dụng đất	3.011.117.583	-	-	3.011.117.583
Hao mòn lũy kế				
Quyền sử dụng đất	1.710.566.423	300.127.188	-	2.010.693.611
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	1.300.551.160			1.000.423.972

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: B09-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2009	31/12/2008
Đầu tư dài hạn khác	(a) <u>184.530.000.000</u>	<u>-</u>
	<u>184.530.000.000</u>	<u>-</u>
 (a) Đây là khoản mua cổ phiếu của các công ty:		
	31/12/2009	
Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh	9.000.000 CP # 100.800.000.000	
Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng	8.000.000 CP # <u>83.730.000.000</u>	
	<u>184.530.000.000</u>	
7. Tài sản dài hạn khác	31/12/2009	31/12/2008
Chi phí trả trước dài hạn khác	(a) <u>810.948.108</u>	<u>8.546.249.207</u>
	<u>810.948.108</u>	<u>8.546.249.207</u>
 (a) Chi phí trả trước dài hạn khác		
	31/12/2009	
Giá trị còn lại Công cụ dụng cụ	<u>810.948.108</u>	
	<u>810.948.108</u>	
8. Nợ ngắn hạn	31/12/2009	31/12/2008
Vay và nợ ngắn hạn	(a) 96.908.909.296	92.795.126.812
Phải trả người bán	235.026.453.917	142.949.844.374
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(b) 3.190.862.111	34.985.480.990
Phải trả người lao động	6.430.773.432	8.284.585.059
Chi phí phải trả	(c) 5.816.102.140	10.272.798.181
Phải trả nội bộ	(d) 26.543.916.122	4.828.077.899
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	(e) <u>1.314.847.125</u>	<u>1.091.405.960</u>
	<u>375.231.864.143</u>	<u>295.207.319.275</u>
 (a) Vay và nợ ngắn hạn		
	31/12/2009	
Vay ngắn hạn	(i) 2.800.000.000	
Nợ dài hạn đến hạn trả	(ii) <u>94.108.909.296</u>	
	<u>96.908.909.296</u>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Mẫu số: B09-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác
Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

(i) Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu theo hợp đồng vay số 2310/09/TD/IV ngày 31/12/2009. Khoản vay này được đảm bảo bởi số dư tài khoản 0326018776009 theo hợp đồng cầm cố tài sản số 2310/09/CC/IV ngày 31/12/2009, với tổng trị giá tài sản là 7.000.000.000 VNĐ.

(ii) Nợ dài hạn đến hạn trả	31/12/2009
Tập đoàn điện lực Việt Nam	53.625.469.590
Chi nhánh Ngân hàng phát triển Bà Rịa_Vũng Tàu	37.983.439.706
Ngân hàng đầu tư và phát triển BRVT	2.500.000.000
	94.108.909.296

Xem chi tiết tại mục V.9.

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2009
Thuế GTGT đầu ra	3.190.862.111
	3.190.862.111

(c) Chi phí phải trả	31/12/2009
Lãi vay phải trả	5.812.462.700
Phải trả khác	3.639.440
	5.816.102.140

(d) Đây là khoản phải trả cho Tổng Công ty điện lực Việt Nam.

(e) Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2009
Kinh phí công đoàn	102.502.949
Bảo hiểm xã hội	219.960
Phải trả về cổ phần hóa	400.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(i) 181.228.524
Phải trả, phải nộp khác	(ii) 630.895.692
	1.314.847.125

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: B09-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

(i) Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn **31/12/2009**

Công ty TNHH thương mại Phúc Lộc Thọ	171.890.074
Công ty TNHH kỹ thuật thương mại dịch vụ Phú Mỹ	9.338.450
	<u>181.228.524</u>

(ii) Phải trả, phải nộp khác **31/12/2009**

Cho thuê nhà ở tập thể	534.144.942
Thuế thu nhập CBCNV tạm thu	56.151.544
Phải trả khác	35.469.070
Trần Thanh Hải	1.474.650
Cổ tức công ty cổ phần tài chính điện lực	1.357.000
Thù lao thu thuế thu nhập phải trả	1.268.701
Thù lao thu thuế giá trị gia tăng	1.029.785
	<u>630.895.692</u>

9. Nợ dài hạn **31/12/2009** **31/12/2008**

Vay và nợ dài hạn	(a)	889.429.313.448	875.836.126.645
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	52.039.289.786
Dự phòng trợ cấp mất việc làm		153.636.712	102.873.131
		<u>889.582.950.160</u>	<u>927.978.289.562</u>

(a) Vay và nợ dài hạn **Vay dài hạn** **Nợ dài hạn đến hạn trả**

Ngân hàng đầu tư và phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu <i>Hợp đồng số 01/2000/HĐ ngày 5/9/2000</i>	-	2.500.000.000
Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu (Vay vốn Quỹ hợp tác Phát triển kinh tế Hàn Quốc - EDCF) <i>Hợp đồng số 21/TDNN ngày 20/12/2004</i>	645.718.474.857	37.983.439.706
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn Ngân hàng Thế giới WB) <i>Hợp đồng số 10/2007/EVN-BTP/TCKT ngày 30/10/2007</i>	243.710.838.591	53.625.469.590
	<u>889.429.313.448</u>	<u>94.108.909.296</u>

Tất cả các khoản vay nêu trên được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: B09-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

10. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	623.072.791.795	6.151.242.511	-	34.987.230.036	513.740.974	257.264.298	201.512.801.996	866.495.071.610
Điều chỉnh theo Biên bản xác định GTDN								
Quỹ KT, PL không lấy từ vốn Nhà nước	1.409.648.485							1.409.648.485
Tăng chi phí trích trước do TS chuyển thành CCDC	(79.024.804)							(79.024.804)
Chi phí trả trước cho người bán	1.287.934							1.287.934
Bù đắp TSCĐ loại ra khỏi GTDN	3.448.627.071							3.448.627.071
CLTG vốn vay	(26.488.451.369)							(26.488.451.369)
Chuyển vốn	6.151.242.511	(6.151.242.511)						-
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	4.031.317.855			(4.031.317.855)				-
Giảm vốn	(482.784.345)				482.784.345			-
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	4.757.925.604						(4.757.925.604)	-
Tăng vốn	393.811					(393.811)		-
Điều chỉnh PPLN 10 tháng đầu năm 2007				(3.222.742.015)	(482.784.345)		3.705.526.360	-
Trả EVN				(25.164.465.294)				(25.164.465.294)
Chuyển quỹ thường sang quỹ lương						(16.061.211)		(16.061.211)
	615.822.974.548	-	-	2.568.704.872	513.740.974	240.809.276	200.460.402.752	819.606.632.422
Trích lập quỹ 2008				4.573.549.399	1.166.108.708		(9.525.633.485)	(3.785.975.378)
Trích bổ sung lương Ban điều hành 2008						1.083.054.354	(1.083.054.354)	-
Trả cổ tức cổ đông							(30.242.800.000)	(30.242.800.000)
Chi tiền thưởng Ban điều hành						(562.000.000)		(562.000.000)
Nộp thuế							(15.729.377)	(15.729.377)
KQHĐKD năm 2009							52.039.289.786	52.039.289.786
Lương Ban điều hành							(84.000.000)	(84.000.000)
Quỹ an ninh quốc phòng 2009							(7.248.000)	(7.248.000)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện			(27.247.139.906)					(27.247.139.906)
Số dư cuối năm	615.822.974.548	-	(27.247.139.906)	7.142.254.271	1.679.849.682	761.863.630	211.541.227.322	809.701.029.547

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ Rịa
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: B09-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

VI. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trong đó:

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	1.427.537.239.885	1.288.172.222.470
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.677.245.635	
- Doanh thu nội bộ	41.183.331.628	-
	1.472.397.817.148	1.288.172.222.470

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trong đó:

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	1.427.537.239.885	1.246.826.055.857
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.677.245.635	
- Doanh thu nội bộ	41.183.331.628	41.346.166.613
	1.472.397.817.148	1.288.172.222.470

2. Giá vốn hàng bán

Trong đó:

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa	1.276.133.901.781	1.156.151.411.633
	1.276.133.901.781	1.156.151.411.633

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi

Lãi dự thu

Lãi trái phiếu

Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.040.413.016	1.801.333.452
Lãi dự thu	1.288.888.889	-
Lãi trái phiếu	-	6.800.000
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.779.800	10.634.740.648
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	202.736.609.389
	4.389.081.705	215.179.483.489

4. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí lãi vay phải trả

Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay phải trả	39.385.813.985	43.530.028.821
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	49.395.457.968	12.030.016.899
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	96.232.368.257	16.882.003.010
	185.013.640.210	72.442.048.730

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: B09-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	7.393.012.066	7.406.784.154
Chi phí vật liệu quản lý	201.010.135	219.802.087
Chi phí đồ dùng văn phòng	133.277.014	85.023.374
Chi phí khấu hao	5.500.419.987	6.422.663.226
Thuế, phí, lệ phí	301.761.432	287.004.378
Chi phí dự phòng	76.467.981	5.927.554.026
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.143.994.716	4.400.352.115
Chi phí bằng tiền khác	1.403.382.967	2.316.472.654
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.856.672.208	2.582.218.806
	22.009.998.506	29.647.874.820
6. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản	243.393.376	146.281.929
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	381.550.682	-
Hoàn nhập dự phòng	5.868.031.068	-
Thu nhập khác	163.479.397	-
	6.656.454.523	146.281.929
7. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản	208.924.181	-
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng	-	699.400.724
Các khoản chi phí khác	-	7.297.273
	208.924.181	706.697.997
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	16.640.327.798
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	16.640.327.798

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

VII THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về các bên có liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các công ty mà Công ty có liên quan thông qua quan hệ về vốn. Như được trình bày dưới đây, Công ty và các công ty liên kết mà Công ty có mối quan hệ giao dịch thông qua quan hệ đầu tư/ nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên có liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	SD 31/12/2009
Công ty mua bán điện	Công ty cùng tập đoàn	Bán điện	336.137.258.063
Tổng Công ty điện lực Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu nội bộ Vay Phải trả nội bộ	531.864.956.944 297.336.308.181 26.543.916.122
Công ty tài chính cổ phần điện lực (EVNFC)	Công ty cùng tập đoàn	Lãi dự thu	1.288.888.889

Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2009) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: B09-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

Thông tin khác	Năm nay	Năm trước
Thù lao Chủ tịch Hội đồng quản trị	318.239.526	436.061.211
Lương Ban Giám đốc	285.450.178	335.008.513
Lương 2 Phó Giám đốc	455.874.280	489.038.625
Lương Kế toán trưởng	219.593.972	236.210.462
Thù lao thành viên HĐQT trực tiếp điều hành (2 người)	84.000.000	120.000.000
Thù lao thành viên BKS trực tiếp điều hành (2 người)	50.400.000	72.000.000
Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành (2 người)	70.000.000	110.000.000
Thù lao thành viên BKS không trực tiếp điều hành (2 người)	14.000.000	25.000.000

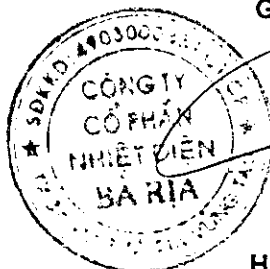
Bà Rịa, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán trưởng

GIÁM ĐỐC



PHẠM QUỐC THÁI



HUYỀN LIN